

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 191 /2018/DS-ST

Ngày : 03 - 8 - 2018

V/v: Tranh chấp

“ Hợp đồng góp hội ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Bà Phan Thị Quý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Phương, cán bộ
Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2018/TLST-DS ngày 15- 6-2018, về tranh chấp “Hợp đồng góp hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/QĐXXST - DS ngày 19 - 7 - 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Nguyễn Thị P-** sinh năm 1965.

Đại diện ủy quyền: Phạm Thùy Tr, sinh năm 1984 (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2018)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

*** Bị đơn: Nguyễn Thị H-** sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp M, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P và đại diện ủy quyền là chị Phạm Thùy Tr trình bày:**

Bà Nguyễn Thị P có tham gia 02 dây hội do chị Nguyễn Thị H làm chủ, cụ thể:

- Dây thứ nhất : Hội 500.000đ/tháng , gồm 26 phần, bà P tham gia 01 phần, mỗi tháng khai 2 lần vào ngày 05 và 20 âm lịch hàng tháng, bắt đầu khai vào ngày 20/01/2014, bà P đóng hội cho chị H được 24 kỳ số tiền 7.200.000đ, đến tháng 12 năm 2014 thì ngưng hội do chị H tự ngưng hội, tiền lãi cuối kỳ là 4.800.000đ

- Dây thứ hai : Hội 500.000đ/tháng, gồm 30 phần, bà P tham gia 01 phần, mỗi tháng khai 2 lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, bắt đầu khai vào ngày

15/9/2014, bà P đóng hụi cho chị H được 9 kỳ số tiền 2.700.000đ, đến tháng 12 năm 2014 thì ngưng hụi, tiền lãi cuối kỳ là 1.800.000đ.

Tổng cộng 02 dây hụi trên bà P đã đóng cho chị H là 9.900.000đ, ngày 30/3/2018 chị H có làm giấy xác nhận bà P có đóng hụi cho chị H tổng số tiền 9.900.000đ; sau khi hụi bị ngưng đến nay chị H chưa trả tiền cho bà P.

Tại đơn khởi kiện bà P yêu cầu chị H trả số tiền vốn đã đóng 9.900.000đ và tiền lãi là 6.600.000đ.

Tại phiên tòa chị Tr đại diện cho bà P yêu cầu chị H trả số tiền vốn là 9.900.000đ, yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; chị Tr rút yêu cầu buộc chị H trả số tiền lãi 6.600.000đ.

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là chủ hụi, bà Nguyễn Thị P có tham gia 02 dây hụi do chị làm chủ hụi, đến tháng 12 năm 2014 thì ngưng hụi, ngày 30/3/2018 chị có làm giấy xác nhận bà P có đóng hụi cho chị tổng số tiền 9.900.000đ như nguyên đơn trình bày là đúng; bà Nguyễn Thị P đã đóng hụi cho chị tổng cộng 02 dây hụi là 9.900.000đ, nhưng do bà P ngưng chơi hụi giữa chừng, nên chị đồng ý trả cho bà P số tiền vốn 9.900.000đ, xin trả mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”.

[2] Tại phiên tòa, chị Phạm Thùy Tr đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị H trả số tiền lãi 6.600.000đ, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nêu trên của bà Nguyễn Thị P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị P xét thấy:

Bà Nguyễn Thị P và chị Nguyễn Thị H trình bày thống nhất và đủ căn cứ kết luận: Vào năm 2014 bà Nguyễn Thị P có tham gia chơi 02 dây hụi do chị Nguyễn Thị H làm chủ, bà P đã đóng hụi cho chị Nguyễn Thị H tổng cộng 02 dây hụi với số tiền 9.900.000đ, đến tháng 12 năm 2014 thì ngưng hụi, ngày 30/3/2018 chị H có làm giấy xác nhận bà P có đóng hụi cho chị H tổng số tiền 9.900.000đ, sau khi ngưng hụi đến nay chị Nguyễn Thị H chưa hoàn trả lại số tiền 9.900.000đ cho bà P. Nay bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả số tiền vốn 9.900.000đ, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Xét thấy ý kiến của chị Nguyễn Thị H đồng ý trả số tiền 9.900.000đ cho bà Nguyễn Thị P nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ, tại phiên tòa chị Tr đại diện ủy quyền của bà P không đồng ý nên không chấp nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị H

[4] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ các Điều 471, 688, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P

1/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị H trả số tiền lãi 6.600.000đ, nếu có tranh chấp có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2/ Buộc chị Nguyễn Thị H trả 9.900.000đ (Chín triệu chín trăm ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị P. Thực hiện trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị H chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 495.000đ
- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị P 412.500đ tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu số 0008436 ngày 15/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

4/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Song Bình